TÒA ÁN NHÂN DÂN TPTN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234 /2018/ HS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Bà Võ Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 170/2018/TLHS-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2018/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Ngô Văn HG** (tên gọi khác Ngô HG), sinh năm 1974.

HKTT: Tổ A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Đội B, xã A, huyện T, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa:lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Ngô Văn C, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1932; Gia đình có 11 chị em, bị cáo là thứ 11; có vợ là Ngô Thị Thủy, sinh năm 1988; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015. Tiền sự: Không.

Tiền án: + Tại bản án số 66/2008/HSPT ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt HG 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; phạt bổ sung 3 triệu đồng về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248/BLHS 1999, số tiền đánh bạc trên 5 triệu).

+ Tại bản án số 106/2010/HSST ngày 30/12/2010, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 tháng tù giam; phạt bổ sung 7 triệu đồng về

tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248/BLHS 1999. Tổng hợp với 30 tháng của bản án số 66/2008/HSPT ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang buộc chấp hành hình phạt chung là 34 tháng tù giam (Đã chấp hành xong tiền phạt bổ sung và án phí ngày 19/7/2012, chấp hành xong hình phạt chính ngày 19/4/2013, số tiền đánh bạc trên 5 triệu đồng).

+ Tại bản án số 70/2016/HSST ngày 25/11/2016, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù giam; phạt bổ sung 3 triệu đồng về tội "Đánh bạc" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248/BLHS 1999 (Số tiền đánh bạc trên 5 triệu đồng, phạm tội ngày 13/9/2014, Hùng đã chấp hành xong phần án phí theo QĐ thi hành án số 157 ngày 28/02/2017).

Nhân thân: Năm 1993 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản riêng công dân";

Năm 1994, Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 09 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản công dân" và "Trộm cắp tài sản XHCN" (năm 2000 ra trại);

Năm 2001 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" (năm 2002 chấp hành xong).

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 21/12/2017 đến nay.

(có mặt tại phiên tòa)

2. Lê Anh QG, sinh ngày 07/10/1987 .

ĐKHK: thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở: Tổ D, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán cá cảnh. Con ông: Lê Văn V, sinh năm 1964, con bà: Đào Thị T, sinh năm 1963. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất. có vợ: Đào Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2016), có 01 con, sinh năm 2008; vợ thứ 2 là Hoàng Thị T, sinh năm 1988; có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 21/12/2017 đến nay.

(có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/11/1983 .

Trú tại: Xóm T, xã A, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957, con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ 2; có vợ: Trương Thị N, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 61/2013/HSST ngày 21/8/2013, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, về tội đánh bạc, thời gian

thử thách 12 tháng (số tiền đánh bạc 2.500.000 đồng, trước đó không có tiền án, tiền sự).

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 21/12/2017 đến nay.

(có mặt tại phiên tòa)

4. Dương Anh QU, sinh ngày 27/ 11/1987.

HKTT: Thôn C, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Tổ L, phường H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.Con ông Dương Ngọc L, Con bà: Nguyễn Thị T (đều đã chết). Gia đình có 5 anh em, bị cáo là thứ tư; có vợ là La Thị A, sinh năm 1988; Có 01 con sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: bản án số 47/2009/HSST ngày 22/4/2009, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 05 triệu đồng về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248/BLHS 1999 (số tiền đánh bạc là 2.070.000 đồng, trước đó không có tiền án, tiền sự).

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 02/02/2018.

(có mặt tại phiên tòa)

5. Nguyễn Xuân TU, sinh ngày 20/10/1979 .

Trú tại: Tổ J, phường P, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 11/12; Nghề nghiệp: Buôn bán. Con ông: Nguyễn Hữu N, đã chết, Con bà: Dương Thị T, sinh năm 1955. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ 3; có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

6. Phan Thanh TH, sinh ngày 25/7/1990.

Trú tại: xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Phan Thanh T, sinh năm 1967, con bà: Lưu Thị N, sinh năm 1967. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

7. Phạm Văn CG, sinh ngày 25/8/1990.

Trú tại: xóm T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Phạm Đình C, sinh năm 1965, con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

8. Kiều Văn S, sinh ngày 02/6/1984.

Trú tại: Tổ E, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Kiều Doãn T; Con bà: Nguyễn Thị V (đều đã chết); Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ hai; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

9. Nguyễn Văn QA, sinh ngày 05/4/1978.

Trú tại: xóm H, xã T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Văn hóa: lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe . Con ông: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1952. Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1955. Gia đình có 4 chị em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

10. Nguyễn Văn TN, sinh ngày15/7/1983 .

Trú tại: Tổ E, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa lớp 11/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1953. Con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1955. Gia đình có 4 anh em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1991; Có 01 con sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

11. Vũ Anh TG, sinh ngày 11/12/1983.

Trú tại: xóm H, xã T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa lớp 12/12; Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô. Con ông Vũ Văn T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Trần Thị M, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

12. Võ Trí CG, sinh ngày 01/7/1981.

Trú tại: Tổ K, phường P, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Võ Ngọc C, sinh năm 1947; Con bà: Trí Thị T, sinh năm 1950; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Phạm Thị Thanh P, sinh năm 1987 (đã ly hôn); có 02 con, đều sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

13. Dương Quý L, sinh ngày 13/01/1989 .

ĐKHK: thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: xóm K, xã H, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Văn hóa lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Dương Văn M, sinh năm 1949; Con bà: Nguyễn Thị D, đã chết. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ hai; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến 29/12/2017.

(có mặt tại phiên tòa)

14. Phạm Đa Kh, sinh ngày 18/10/1977.

Trú tại: Tổ FB, phường L, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Văn hóa lớp 9/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty Kim loại màu Thái Nguyên. Con ông: Phạm Ngọc K (đã chết); Con bà: Trần Thị Y, sinh năm 1955; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, không bị giam giữ.

(có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi liên quan :

1. Mai Xuân D, sinh năm 1956 (có mặt tại phiên tòa)

Trú quán: số 381, đường N, tổ X, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

2. Đinh Ngọc Q, sinh năm 1985 (vắng mặt tại phiên tòa);

Trú tại: xóm G, xã C, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

3. Hà Văn C, sinh năm 1973 (có mặt tại phiên tòa);

Trú quán: xóm C, xã P, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

4. Lương Minh H, sinh năm 1993 (có mặt tại phiên tòa);

Trú quán: xóm C, xã M, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

5. Trần Xuân TE, sinh năm 1978 (có mặt tại phiên tòa).

Trú quán: Đội B, xã P, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

6. Đỗ Trung K, sinh năm 1986 (vắng mặt tại phiên tòa);

Trú quán: Tổ KA, phường L, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 50 phút ngày 21/12/2017, Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại phòng nghỉ chờ cho lái xe thuộc bãi than của Doanh nghiệp tư nhân QH ở tổ FB, phường L, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên có một số đối tượng tụ tập đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Tổ công tác của Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên đến kiểm tra, đã phát hiện tại địa điểm nêu trên có 19 đối tượng gồm: Mai Xuân D, Nguyễn Xuân TU, Lê Anh QG, Nguyễn Văn T, Đinh Ngọc Q, Nguyễn Văn TN, Võ Chí Công, Nguyễn Văn QA, Ngô Văn HG, Hà Văn C, Vũ Anh TG, Kiều Văn S, Dương Anh QU, Dương Quý L, Lương Minh H, Trần Xuân TE, Phan Thanh TH, Đỗ Trung K, Phạm Văn CG có mặt tại chiếu bạc. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 19 đối tượng nêu trên và thu giữ những vật chứng sau: 01 chiếc chiếu tre nhiều màu, hình chữ nhật, có viền vải xung quanh, kích thước chiếu 1,95m – 1,8m; 01 tấm thảm vải hình chữ nhật, kích thước 58 cm x 40 cm, có một mặt màu đỏ bên trên và một mặt màu vàng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 80 cm, trôn đĩa có chữ in đỏ B-T, lòng đĩa có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng, miệng bát tròn, đường kính 11 cm, ngoài bát có hoa văn nhiều màu, trôn bát in hình chữ Trung Quốc; 04 quân bài tự làm từ lá bài sử dụng chơi chắn, 04 quân bài đều có bình tròn đường kính 2 cm, một mặt có màu đỏ sọc caro màu trắng, một mặt màu trắng in hình chữ Trung Quốc màu đen; 21.800.000 đồng nằm giải rác trên chiếu bạc; 350.000đ tiền Việt Nam trên mặt tủ lạnh sát bên phải cửa ra vào của phòng có chiếu bạc; Khám xét trên người các đối tượng còn thu giữ 25.700.000 đồng; một số đồ vật khác có liên quan.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận như sau: Tại phòng chờ của lái xe thuộc bãi than của Doanh nghiệp tư nhân QH do bà Phan Thị Thu H làm Giám đốc, ông Mai Xuân D làm bảo vệ, có địa chỉ tại tổ FB, phường L, thành phố TH thường xuyên có mặt các lái xe, người mua bán than, cát và 1 số người dân sinh sống ở khu vực lân cận đến chơi. Khoảng 19 giờ ngày 21/12/2017, Phan Thanh TH (là lái xe) sau khi đi làm về đến bãi than thì gặp Phạm Văn CG (là lái xe của Doanh nghiệp tư nhân QH thường xuyên ăn ở tại Bãi than cùng ông D), Kiều Văn S (là lái xe) và Lê Anh QG (là người dân sinh sống ở gần đó). Cả bọn cùng rủ nhau đánh bạc bằng thức xóc đĩa được thua bằng tiền. QG là người chuẩn bị 01 bộ bát,đĩa bằng sứ, 04 quân vị được cắt từ lá bài chắn có sẵn ở khu vực đó mang lên giường cùng nhau chơi. Khi bắt đầu chơi, TH là người cầm cái xóc đĩa được vài ván thì đến CG là người cầm cái xóc đĩa, Khi cả bọn cùng nhau đánh bạc được khoảng 5-6 ván thì có

Nguyễn Xuân TU, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN đến cùng tham gia đánh bạc. Do số lượng người tham gia đánh bạc nhiều hơn nên cả bọn đã trải 01 chiếu xuống nền nhà và mang bộ xóc đĩa xuống chiếu và tiếp tục cùng nhau tham gia đánh bạc. Sau khi CG cầm cái xóc đĩa thì lần lượt đến QA, TN và TU tham gia cầm cái xóc đĩa. Trong thời gian Từ là người cầm cái xóc đĩa thì có thêm Ngô Văn HG, Dương Quý L, Nguyễn Văn T, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Dương Anh QU và Phạm Đa Kh lần lượt đến và cùng tham gia đánh bạc.

Về cách thức đánh bạc các đối tượng thỏa thuận như sau: Người xóc cái úp bát vào đĩa bên trong có 04 quân cái (gọi là quân vị) và xóc nhiều lần rồi để xuống chiếu để những người tham gia chơi đặt tiền cược. Sau khi những người chơi đặt tiền cược xong thì người cầm cái mở chiếc bát ra nếu có 04 hoặc 02 quân bài có màu sắc giống nhau là "chẵn" thì những người đặt "cửa chẵn" sẽ thắng bạc và được người cầm cái trả cho số tiền bằng số tiền đã đặt cược và người đã đặt cược bên "lẻ" mất số tiền đã đặt cược. Nếu có 03 hoặc 01 quân vị có màu sắc, hoa văn giống nhau là "lẻ" thì những người đặt "cửa lẻ" sẽ thắng bạc và được người cầm cái trả cho số tiền bằng số tiền đã đặt cược và người đã đặt cược bên "chẵn" mất số tiền đã đặt cược. Ban đầu TH, S, CG và QG tham gia đánh bạc chỉ quy ước mức đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng. Sau khi có thêm TU, TN, QA đến thì các bị can quy ước mức đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng. Những người đến sau cũng nắm được cách thức chơi như trên và cùng tham gia đánh bạc. Trong khi chơi, TN có bảo mọi người nộp mỗi người 50.000 đồng để trả phí cho ông D là người bảo vệ. TN thu được tổng số 350.000 đồng. Tuy nhiên, khi đưa tiền cho ông D, ông D không nhận đã để trên nóc tủ lạnh ở gần đó và có yêu cầu mọi người dừng không chơi nữa nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục chơi. Trong số những người bị bắt quả tang, có ông D, anh H, anh TE, anh Q, anh C, anh K không tham gia đánh bạc mà đang ngồi chơi uống nước hoặc ngồi xem mọi người đánh bạc. Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, Phạm Đa Kh đến tham gia đánh bạc. Khi Kh vào đánh bạc đã có người đang đánh bạc (sau xác định có TH, CG, S, QG, TN, QA), Từ đang là người xóc cái. Kh tham gia đánh bạc được 02 ván, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng nhưng đều bị thua hết tiền. Kh có hỏi vay TU 1.000.000 đồng để tiếp tục chơi nhưng TU không cho vay nên Kh bỏ về trước. Khi Kh về thì có khoảng 7-8 người đến tham gia đánh bạc. Các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Về số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, các bị cáo khai nhận như sau: Khi bắt đầu tham gia đánh bạc, TH có 720.000 đồng sử dụng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến bắt quả tang, TH đã bị thua hết số tiền đó. QG có 275.000 đồng, QG sử dụng hết vào việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến, QG đang bị thua mất 50.000 đồng, số còn lại QG vứt xuống chiếu bạc và đã bị thu giữ. S có 700.000 đồng sử dụng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến S đang bị thua hết số tiền đó. TU có 16.000.000 đồng, TU bỏ ra 1.700.000 đồng sử dụng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến, TU đang thắng được 500.000 đồng và đã bị thu giữ

hết 2.200.000 đồng sử dụng để đánh bạc. CG sử dụng 600.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến CG đã bị thua hết số tiền đó. TN sử dụng số tiền 65.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến, TN đã bị thua hết số tiền đó. QU có 3.660.000 đồng, đã sử dụng 1.160.000 đồng để đánh bạc, số còn lại cất trong người không sử dụng để đánh bạc. HG sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến HG đã bị thua hết số tiền đó. LN sử dụng 1.500.000 đồng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến đã thả xuống chiếu bạc và bị thu giữ hết. T sử dụng 200.000 đồng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến đã bị thua hết số tiền đó. TG sử dụng 600.000 đồng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến đã vứt xuống chiếu bạc và bị thu giữ hết. CG sử dụng 750.000 đồng cho việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến đã vứt xuống chiếu bạc và bị thu giữ hết. Kh sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc. QG sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Như vậy, theo lời khai của các bị cáo thì số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 8.570.000 đồng. Nhưng khi bắt quả tang, cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc được tổng số tiền 21.800.000 đồng, các bị cáo đều xác định đó là số tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc chỉ có bị cáo Kh bỏ về trước nên có đủ căn cứ để xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc đến khi bị bắt quả tang là 21.800.000 đồng. Số tiền bị cáo Kh cùng các bị cáo sử dụng để đánh bạc đến khi Kh bỏ về là 7.360.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 21.800.000 đồng, là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền 26.050.000 đồng (trong đó có 350.000 đồng thu giữ tại nóc tủ lạnh trong phòng các bị cáo tham gia đánh bạc; thu trong người của: Mai Xuân D 4.400.000đ; Trần Xuân TN 600.000đ; Dương Anh QU 2.500.000đ; Lương Minh H 800.000đ; Nguyễn Văn QA 3.100.000đ; Nguyễn Xuân TU 14.300.000đ).

Thu giữ 23 điện thoại di động các loại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 358756054099689 (của Mai Xuân D); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6314, vỏ màu xanh – đen, IMEI 1: 359430062309980, IMEI 2: 359430062309998, đã qua sử dụng (của Nguyễn Xuân TU); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model RM 1172, vỏ màu đen, IMEI 1: 356900073505084; IMEI 2: 356900073505092, đã qua sử dụng (của Ngô Văn HG); 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEI: 353655/06/867571/3, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số IMEI 356033035891135, đã qua sử dụng (của Lê Anh QG); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu hồng, IMEI 355313084478468, đã qua sử dụng (của Đinh Ngọc Q); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7, vỏ màu vàng, IMEI: 357090079247888, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55, vỏ màu vàng hồng, IMEI 1: 863188038859251, IMEI 2: 863188038859244, đã qua sử dụng (của Nguyễn Văn TN); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 311, vỏ màu hồng, đã qua sử dụng, IMEI: 354133/05/745058/8 (của Võ Trí CG); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1, vỏ màu đen, IMEI:

35911/04/885692/4, IMEI 2: 359311/04/885693/2, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng, IMEI: 013717002404055, đã qua sử dụng (của Nguyễn Văn QA); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, màn hình bị vỡ, IMEI: 358371064997607, đã qua sử dụng (của Dương Quý L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1080, vỏ màu đen, IMEI: 353666/05/060637/06, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S5, vỏ màu trắng, IMEI: 353748/06/990204/4, đã qua sử dụng (của Hà Văn C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, vỏ màu đen, IMEI: 355425074900796, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei GR5, vỏ màu vàng, IMEI 1: 862494033839202, IMEI 2: 862494033875214, đã qua sử dụng (của Kiều Văn S); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, vỏ màu trắng, IMEI 1: 352700/07/704033/4; IMEI 2: 352701/07/704033/2 (của Lương Minh H); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, vỏ màu trắng, IMEI: 013180007333926, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu 1280, vỏ màu đen, IMEI: 356230/04/334299/0, đã qua sử dụng (của Dương Anh QU); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, IMEI: 3566800808854887, đã qua sử dụng (của Phạm Văn CG); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, vỏ màu vàng, IMEI: 355763071922367, đã qua sử dụng (của Phan Thanh TH); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 868573024933449, IMEI 2: 568573024933761 (của Trần Xuân TE); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V55, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, IMEI 1: 864835038947291, IMEI 2: 864835038947283 (của Nguyễn Văn T).

Thu giữ 01 chiếc chiếu tre nhiều màu, hình chữ nhật KT 1,95 x 1,8 (m); 01 tấm thảm hình chữ nhật KT 58cm x 40cm, trên mặt màu đỏ, dưới màu vàng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 18cm, trên đĩa có in chữ B-T, lòng đĩa in hoa văn; 01 bát sứ màu trắng, miệng bát tròn đường kính 11cm, ngoài bát có hoa văn, trôn bát có in chữ Trung Quốc; 04 quân bài làm từ lá bài sử dụng chơi chắn, 04 quân bài đều có hình tròn, đường kính 2cm, 1 mặt có màu đỏ sọc carô màu trắng in chữ Trung Quốc màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 bộ bài đánh chắn gồm 57 quân. Hiện số vật chứng này đang được lưu giữ tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 180/CT- VKSTPTN ngày 11/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Ngô Văn HG về tội Đánh bạc theo điểm c khoản 2 Điều 248 BLHS 1999; truy tố các bị cáo Lê Anh QG, Nguyễn Văn T, Dương Anh QU, Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Dương Quý L, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Phạm Đa Kh về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 BLHS 1999.

Các bị cáo khai nhận không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước trong việc rủ nhau đánh bạc mà do tự phát, không phân công nhiệm vụ..... lúc đầu chỉ đặt 10.000đ mỗi ván, sau đó có người đến thì mới đặt lên 50.000đ một ván. Bị cáo QG là người chuẩn bị quân bài để xóc... bị cáo TN khai có người bảo thu mỗi người

50.000đ để cho chủ nhà quét dọn, TN thu được 350.000đ để đưa cho ông Mai Xuân D là bảo vệ ở đó nhưng ông D không lấy nên đã để số tiền trên nóc tủ lạnh trong phòng.

Những người có quyền lợi liên quan: ông Mai Xuân D khai là bảo vệ của DNTN QH. Khi các bị cáo đánh bạc thì ông đi ăn cơm, khi về đã thấy các bị cáo đánh bạc ở đó, ông thấy có người đưa tiền nhưng ông không lấy và còn bảo không cho các bị cáo đánh bạc tại đó thì Công an đến bắt; ông cũng bị thu điện thoại và 4.400.000đ, ông xác định đó là tài sản của ông nên đề nghị được trả lại. Các anh Hà Văn C, Trần Xuân TE và Lương Minh H khai không tham gia đánh bạc, chỉ ngồi uống nước tại đó. Khi Công an đến bắt thì C, TE, H cũng bị thu giữ điện thoại, TE bị thu 600.000đ, H bị thu 800.000đ. Hà Văn C, Trần Xuân TE và Lương Minh H đề nghị trả lại số tài sản trên.

Kết thúc phần xét hỏi, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt như sau: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s khoản 1, Điều 51, BLHS 2015, Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn HG từ 27đến 30 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; điểm s khoản 1, Điều 51, BLHS 2015, Xử phạt: Bị cáo Lê Anh QG, Nguyễn Văn T, Dương Anh QU từ 6 đến 9 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; điểm i, s khoản 1, Điều 51, BLHS 2015: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Dương Quý L, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Phạm Đa Kh, từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởngán treo. Ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Ngô Văn HG từ 5.000.000đ-7.000.000đ. Các bị cáo Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Lê Anh QG, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Dương Quý L, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Phạm Đa Kh mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu tre nhiều màu, hình chữ nhật KT 1,95 x 1,8 (m); 01 tấm thảm hình chữ nhật KT 58cm x 40cm, trên mặt màu đỏ, dưới màu vàng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 18cm, trên đĩa có in chữ B-T, lòng đĩa in hoa văn; 01 bát sứ màu trắng, miệng bát tròn đường kính 11cm, ngoài bát có hoa văn, trôn bát có in chữ Trung Quốc; 04 quân bài làm từ lá bài sử dụng chơi chắn, 04 quân bài đều có hình tròn, đường kính 2cm, 1 mặt có màu đỏ xọc carô

màu trắng in chữ Trung Quốc màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 bộ bài đánh chắn gồm 57 quân.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 22.150.000 đồng.

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 14.300.000đ của Nguyễn Xuân TU; 2.500.000đ thu giữ của Dương Anh QU: 3.100.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Văn QA.

+ Tạm giữ đểđảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6314(thu của Nguyễn Xuân TU); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia(thu của Ngô Văn HG); 01 điện thoại di động Nokia 105; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, (thu giữ của Lê Anh QG); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55(thu giữcủa Nguyễn Văn TN); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 311(của Võ Trí CG); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (của Dương Quý L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei GR5 (của Kiều Văn S); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, 01 điện thoại di động nhãn hiệu 1280 (của Dương Anh QU); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (của Phạm Văn CG); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s (của P Phan Thanh TH); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V55 (của Nguyễn Văn T); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 (của Nguyễn Văn QA).

+ Trả lại số tiền: 4.400.000 đồng thu giữ của anh Mai Xuân D; 600.000 đồng thu giữ của anh Trần Xuân TE; 800.000 đồng thu giữ của anh Lương Minh H;

+ Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s cho anh Mai Xuân D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cho anh Đinh Ngọc Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1080; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S5 cho anh Hà Văn C;01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 cho anh Lương Minh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51Wcho anh Trần Xuân TN.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố là đúng tội, không oan, chỉ xin HĐXX xét xem cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt là cải tạo tại địa phương để được hòa nhập với cộng đồng, xã hội và có cơ hội làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cở sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi liên quan và những chứng cứ, tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 21/12/2017, tại phòng chờ cho lái xe thuộc bãi than của doanh nghiệp tư nhân QH ở tổ FB, phường L, thành phố TH các bị cáo Ngô Văn HG, Lê Anh QG, Nguyễn Văn T, Dương Anh QU, Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Dương Quý L, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Phạm Đa Kh, đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 21.800.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Bị cáo Ngô Văn HG đã có 3 tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy đinh tại điểm c khoản 2 Điều 248 BLHS. Các bị cáo còn lại phạm vào khoản 1 Điều 248 BLHS 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 248 BLHS quy định:

"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".

Khoản 2 Điều 248 BLHS quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

c) Tái phạm nguy hiểm.

Về tính chất, mức độ, hành vi thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo phải xét xử bằng pháp luật hình sự, có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo Ngô Văn HG có nhân thân xấu, đã có ba tiền án về tội đánh bạc, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 BLHS. Bị cáo HG được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành

khẩn khai báo, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Dương Anh QU trong vụ án này được xác định là chưa có tiền án, tiền sự nhưng cũng đã một lần bị xét xử về tội đánh bạc nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu, chỉ được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 và không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 BLHS2015. Đối với bị cáo Quốc bản án năm 2009 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và tính đến trước ngày phạm tội lần này thời gian đã 9 năm, không vi phạm pháp luật. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; có đơn xin cải tạo tại địa phương được xác nhận nên cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS2015 nên giảm cho bị cáo một mức hình phạt để thấy rõ lượng khoan hồng của pháp luật, tích cực cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Lê Anh QG, chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong vụ án này tham gia với vai trò tích cực, chuẩn bị công cụ phạm tội. Bị cáo thường xuyên đi đánh bạc, làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình nên cũng cần xem xét khi lượng mức hình phạt. Bị cáo QG được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 BLHS. Các bị cáo Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Dương Quý L, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Phạm Đa Kh đều là người lao động, tham gia vào vụ án với vai trò cộng phạm, không có sự bàn bạc rủ nhau từ trước. Các bị cáo này đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, có thái độ tỏ ra ăn năn hối cải, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 BLHS. Các bị cáo Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Dương Quý L, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Phạm Đa Kh đều có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền bảo lãnh. Bị cáo Nguyễn Xuân TU có bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và hạng ba; bị cáo Phan Thanh TH có ông là thương binh, là liệt sỹ; bị cáo Kiều Văn S có bố là thương binh nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phạm Đa Kh tham gia vào vụ án với vai trò thấp nhất, đánh bạc 02 ván, bị thua hết, sau đó đã tự nguyện về đi làm, khi bị bắt Kh không có mặt ở đó nên cũng cần xem xét khi lượng hình phạt. Xét thấy có căn cứ áp dụng thêm Điều 35 BLHS đối với bị cáo Khoa.

Các bị cáo phạm tội mang tính vụ lợi nên phạt bổ sung một khoản tiền sung quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 248 BLHS1999. Riêng đối với bị cáo Phạm Đa Kh tham gia vào vụ án với mức độ thấp nên miễn hình phạt bổ sung.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là cơ bản phù hợp.

Trong vụ án này còn có bà Phan Thị Thu H là Giám đốc doanh nghiệp tư nhân QH và ông Mai Xuân D là Bảo vệ tại bãi than của doanh nghiệp tư nhân QH – nơi diễn xảy ra hành vi phạm tội. Tuy nhiên khi các đối tượng tham gia đánh bạc

tại đó bà H không biết, ông D sau đó mới biết và đã can ngăn không cho đánh bạc. Việc các bị cáo đánh bạc tại đó, ông D không thu bất kỳ một khoản lợi ích vật chất nào nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không xử lý là có căn cứ.

Đối với Đinh Ngọc Q, Hà Văn C, Lương Minh H, Trần Xuân TE, Đỗ Trung K là những người có mặt tại nơi đánh bạc khi Cơ quan Công an đến bắt quả tang. Tuy nhiên, các tài liệu điều tra thu thập được xác định những người này không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không xử lý là có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 21.800.000đ (hai mươi mốt triệu, tám trăm ngàn đồng) là khoản tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng) các bị cáo tự thu để nộp tiền phòng trả cho Mai Xuân D nhưng ông D không lấy cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền 4.400.000đ (bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng) thu trong người của Mai Xuân D; Số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) thu của Trần Xuân TE; số tiền 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) thu của Lương Minh H. Đây là những khoản tiền không liên quan đến vụ án cần hoàn trả lại cho những người có tên nêu trên.

Số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) thu của bị cáo Dương Anh QU;Số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm ngàn đồng) thu của bị cáo Nguyễn Văn QA; Số tiền 14.300.000đ (mười bốn triệu, ba trăm ngàn đồng) thu của bị cáo Nguyễn Xuân TU. Các khoản tiền thu của các bị cáo nêu trên, không liên quan đến vụ án cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

23 chiếc điện thoại thu của các bị cáo và những người liên quan là tài sản không liên quan đến vụ án. Do đó cần hoàn trả lại điện thoại cho những người liên quan; còn điện thoại của các bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra có thu giữ: 01 chiếc chiếu tre nhiều màu, hình chữ nhật KT 1,95 x 1,8 (m); 01 tấm thảm hình chữ nhật KT 58cm x 40cm, trên mặt màu đỏ, dưới màu vàng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 18cm, trên đĩa có in chữ B-T, lòng đĩa in hoa văn; 01 bát sứ màu trắng, miệng bát tròn đường kính 11cm, ngoài bát có hoa văn, trôn bát có in chữ Trung Quốc; 04 quân bài làm từ lá bài chơi chắn, 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 bộ bài đánh chắn gồm 57 quân, xét đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Văn HG (tức Ngô HG), Lê Anh QG, Nguyễn Văn T, Dương Anh QU, Nguyễn Xuân TU, Phan Thanh TH, Phạm Văn CG, Kiều Văn S, Nguyễn Văn QA, Nguyễn Văn TN, Vũ Anh TG, Võ Trí CG, Dương Quý L, Phạm Đa Kh, phạm tội " Đánh bạc"**.**

I- Hình phạt chính:

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 248 BLHS 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS2015 xử phạt:

1. Ngô Văn HG (tức Ngô Hùng) 27 (hai mươi bảy) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo Ngô Văn HG (tức Ngô HG) 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS2015 xử phạt:

2. Lê Anh QG 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 BLTTHS: Trả tự do cho bị cáo Lê Anh QG tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 BLTTHS: Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS2015 xử phạt:

4. Dương Anh QU 03 (ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này, được trừ thời hạn đã bị tạm giam từ ngày 21/12/2017 đến 02/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS1999; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015 xử phạt:

5. Nguyễn Xuân TU 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Phan Thanh TH 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Phạm Văn CG 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Kiều Văn S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Nguyễn Văn QA 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Nguyễn Văn TN 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

11.Vũ Anh TG: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Võ Trí CG: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

13. Dương Quý L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS1999; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 BLHS 2015 xử phạt:

14. Phạm Đa Kh 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

II- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS phạt:

- Ngô Văn HG (tức Ngô Hùng): 5.000.000đ (năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Lê Anh QG: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Nguyễn Văn T: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Dương Anh QU: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Nguyễn Xuân TU: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Phan Thanh TH: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Phạm Văn CG: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Kiều Văn S: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Nguyễn Văn QA: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Nguyễn Văn TN: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Vũ Anh TG: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Võ Trí CG: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Dương Quý L: 3.000.000đ (ba triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.
- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Đa Kh.

III- Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 BLTTHS; áp dụng Điều 47 BLHS

- Tịch thu số tiền 22.150.000đ (hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tạm giữ của bị cáo Dương Anh QU số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra được IMEI; 01 điện thoại di động nhãn hiệu 1280, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 356230/04/334299/0, để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn QA số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 359311/04/885692/4, IMEI 2: 359311/04/885693/2; 01 điện thoại

di động nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 013717002404055, để đảm bảo thi hành án.

-Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Xuân TU số tiền 14.300.000đ (mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng) ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6314, vỏ màu xanh – đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 359430062309980, IMEI 2: 359430062309998, để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Ngô Văn HG (tức Ngô Hùng) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, RM 1172, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356900073505084; IMEI 2: 356900073505092 để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Lê Anh QG 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEI: 353655/06/867571/3, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số IMEI 356033035891135, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn TN 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 357090079247888; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55, vỏ màu vàng hồng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863188038859251, IMEI 2: 863188038859244, để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Võ Trí CG 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 311, vỏ màu hồng, đã qua sử dụng, số IMEI: 354133/05/745058/8 đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Dương Quý L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, màn hình bị vỡ, IMEI: 358371064997607, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Kiều Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, vỏ màu đen, IMEI: 355425074900796, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei GR5, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862494033839202, IMEI 2: 862494033875214, để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Phạm Văn CG 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 356680080854887, để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Phan Thanh TH 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 355763071922367, để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864835038947291, IMEI 2: 864835038947283 để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả cho Mai Xuân D số tiền 4.400.000đ (bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 358756054099689.

- Hoàn trả cho Trần Xuân TE số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868573024933779, IMEI 2: 868573024933761.

- Hoàn trả cho Lương Minh H số tiền 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352700/07/704033/4; IMEI 2: 352701/07/704033/2.

- Hoàn trả Đinh Ngọc Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone7, vỏ màu hồng, đã qua sử dụng, số IMEI 355313084478468.

- Hoàn trả Hà Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 353666/05/060637/6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S5, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353748/06/990204/4.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu tre nhiều màu, hình chữ nhật KT 1,95 x 1,8 (m); 01 tấm thảm hình chữ nhật KT 58cm x 40cm, trên mặt màu đỏ, dưới màu vàng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 18cm, trên đĩa có in chữ B-T, lòng đĩa in hoa văn; 01 bát sứ màu trắng, miệng bát tròn đường kính 11cm, ngoài bát có hoa văn, trôn bát có in chữ Trung Quốc; 04 quân bài làm từ lá bài chơi chắn, 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 bộ bài đánh chắn gồm 57 quân.

(Vật chứng và tiền hiện đang bảo quản tại kho và tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, như biên bản giao nhận vật chứng số 244 ngày 27/4/2018 và Ủy nhiệm chi số 49 ngày 20/4/2018).

IV. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với các bị cáo và người có quyền lợi liên quan có mặt; kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người liên quan vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN
- VKSND tỉnh TN
- VKSND TPTN
- Công an TPTN
- Chi cục THADS- TPTN
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ
- Lưu BP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hà